

Số: 893 /TB-CCTHADS

Dầu Tiếng, ngày 24 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

Căn cứ Quyết định số: 09/2023/QĐST-DS ngày 08 ngày 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 907/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 02 năm 2023 và Quyết định thi hành án số: 966/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 49/QĐ-CCTHADS ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã có thông báo số: 872/TB-CCTHADS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản của bà Đinh Ngọc Nga, sinh năm 1978 và ông Trần Phước Thọ, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: ấp Định Thọ, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Sau khi được đăng tải trên Cổng thông tin Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.

Hết thời hạn theo thông báo, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nhận được 03 hồ sơ của tổ chức thẩm định giá tài sản đăng ký tham gia tổ chức thẩm định giá. Sau khi xem xét hồ sơ, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng quyết định lựa chọn Công ty cổ phần thẩm định giá Đông Á – Chi nhánh Bình Dương để ký hợp đồng thẩm định tài sản.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thông báo đề đương sự, cá nhân, tổ chức có liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Cá nhân, tổ chức liên quan;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Tuấn Hải

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN DẦU TIẾNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dầu Tiếng, ngày 22 tháng 5 năm 2024

PHỤ LỤC 1
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN
(Ban hành kèm theo Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)
Tiêu chí có dấu (*) là tiêu chí bắt buộc cần đạt được

Stt	Nội dung	Tiêu chí lựa chọn	Điểm chuẩn	Điểm đạt được			Ghi chú
				CTy CP TDG Bình Dương	CTy CP TDG Đông Á	CTy CP GĐTĐ Sài Gòn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			(6)
	TỔNG		100	69	96	95	
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)*		15	11	13	15	
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản	<i>Có 02 chi nhánh trở lên</i>	5		5	5	- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp;
		Chỉ có 01 chi nhánh	4				- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
		Không có chi nhánh	3	3			
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề	<i>Trên 07 thẩm định viên</i>	5			5	- Thông báo của Bộ Tài chính về việc điều chỉnh Danh sách doanh nghiệp TDG và danh sách thẩm định viên về giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá tài sản hàng năm.
		Từ 05 đến 07 thẩm định viên	4				
		Dưới 05 thẩm định viên	3	3	3		

3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá	<i>Trên 05 năm</i>	05	5	5	5	
		Từ 03 đến 05 năm	5				
		Dưới 03 năm	4				
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	42	59	60	
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	<i>Trên 30 hồ sơ</i>	15		15	15	
		Từ 20 đến 30 hồ sơ	14				
		Dưới 20 hồ sơ	13				
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá	<i>Không bị xử phạt vi phạm hành chính</i>	10	10	10	10	
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính	9				
		Bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã chấp hành, khắc phục xong	8				
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính	0				
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá	Trước 07 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	5	5	5	5	
		Từ 07 đến 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	4				
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3				
4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá	Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.	10	10	10	10	

		Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc	9				
		Trên 05 ngày làm việc	8				
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu	10			10	
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu	9	9	9		
		Không có phần mềm	0				
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố	Từ 80 điểm trở lên	10		10	10	
		Từ 70 đến dưới 80 điểm	9				
		Từ 60 đến dưới 70 điểm	8	8			
III	Năng lực tài chính			11	14	15	
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty.		5	5	5	5	
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký	5			5	
		Thấp thứ 2	4		4		
		Thấp thứ 3	3	3			
		Thấp thứ 4	2				
		Thấp thứ 5 trở đi	1				
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất	Trên 5 tỷ/năm	5		5	5	
		Từ 3- 5 tỷ/năm	4				
		Từ 1-3 tỷ/năm	3	3			
		Dưới 1 tỷ/năm	2				

IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương;)		10	5	10	5	
-----------	--	--	-----------	----------	-----------	----------	--